

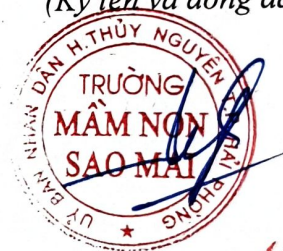
THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục, năm học 2023-2024

TT	Nội dung	Kết quả dự kiến đạt được trong năm học	
		Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Tên chương trình giáo dục mầm non thực hiện		
		Đảm bảo thực hiện chất lượng chương trình Giáo dục mầm non (Chương trình giáo dục nhà trẻ) được biên soạn trên cơ sở quy định của Luật Giáo dục, đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ban hành theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 và được sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 và Thông tư số 51/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020.	Đảm bảo thực hiện chất lượng chương trình Giáo dục mầm non (Chương trình giáo dục mẫu giáo) được biên soạn trên cơ sở quy định của Luật Giáo dục, đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ban hành theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 và được sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 và Thông tư số 51/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020.
II	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được		
1	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	<ul style="list-style-type: none"> - 100% trẻ đến trường được ăn bán trú với những bữa ăn chất lượng, thực đơn phong phú, cân đối dưỡng chất tại trường với 600-651calo/trẻ. - Phần đầu trẻ đạt cân nặng và chiều cao theo quy định của độ tuổi: +Trẻ phát triển tốt theo độ tuổi: 99% + Trẻ thừa cân so với độ tuổi: 0% +Trẻ nhẹ cân, thấp còi giảm còn: 1% - Phần đầu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi so với đầu năm học và không chế tỷ lệ trẻ có cân nặng cao hơn độ tuổi. 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% trẻ đến trường được ăn bán trú với những bữa ăn chất lượng, thực đơn phong phú, cân đối dưỡng chất tại trường với 615-726calo/trẻ. - Phần đầu trẻ đạt cân nặng và chiều cao theo quy định của độ tuổi: +Trẻ phát triển tốt theo độ tuổi: 97% + Trẻ thừa cân so với độ tuổi:2% +Trẻ nhẹ cân, thấp còi giảm còn: 1% - Phần đầu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi so với đầu năm học và không chế tỷ lệ trẻ có cân nặng cao hơn độ tuổi.
2	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo 100% trẻ đến trường được an toàn về thể chất, tinh thần trong các điều kiện về phòng học, bàn ghế, đồ dùng học liệu, đồ chơi cho trẻ; an toàn trong quá trình tham gia các hoạt động cùng cô và các bạn. - 100% trẻ được chăm sóc về y tế: kiểm tra và đánh giá sức khỏe, khám, cân đo định kỳ. Chăm sóc đặc biệt các cháu khiếm khuyết, SDD, béo phì - 96% trẻ thực hành thao tác vệ sinh theo hướng dẫn của cô. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo 100% trẻ đến trường được an toàn về thể chất, tinh thần trong các điều kiện về phòng học, bàn ghế, đồ dùng học liệu, đồ chơi cho trẻ; an toàn trong quá trình tham gia các hoạt động cùng cô và các bạn. - 100% trẻ được chăm sóc về y tế: kiểm tra và đánh giá sức khỏe, khám, cân đo định kỳ. Chăm sóc đặc biệt các cháu khiếm khuyết, SDD, béo phì - 99% trẻ có các kỹ năng vệ sinh cá nhân và tự bảo vệ sức khỏe bản thân.

3	Chất lượng giáo dục trẻ	Đạt các lĩnh vực phát triển: + Phát triển thể chất: 99% + Phát triển nhận thức: 98% + Phát triển ngôn ngữ: 98% + Phát triển tình cảm-kỹ năng XH: 100% + Phát triển thẩm mỹ: 98%	Đạt các lĩnh vực phát triển: + Phát triển thể chất: 98% + Phát triển nhận thức: 99% + Phát triển ngôn ngữ: 99% + Phát triển tình cảm-kỹ năng XH: 100% + Phát triển thẩm mỹ: 99%
IV	Các hoạt động hỗ trợ nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở GDMN (nếu có)		
		+ Chương trình Can thiệp sớm cho trẻ có nhu cầu hỗ trợ giáo dục đặc biệt. + Chương trình cho trẻ LQ tiếng Anh (với trẻ 24-36 tháng). + Chương trình tìm kiếm phát triển năng khiếu của trẻ về: Mỹ thuật, âm nhạc, múa.	+ Chương trình Can thiệp sớm cho trẻ có nhu cầu hỗ trợ giáo dục đặc biệt. + Chương trình cho trẻ LQ tiếng Anh. + Chương trình tìm kiếm phát triển năng khiếu của trẻ về: Mỹ thuật, âm nhạc, múa, bóng đá, yoga.

Thùy Nguyên, ngày 01 tháng 08 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Lý

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2022-2023

TT	Nội dung	Kết quả thực tế đạt được trong năm học											
		Toàn trường		Trong đó chia ra			Nhà trẻ			Mẫu giáo			
		Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ %	Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi			
1	Huy động trẻ	Tổng số trẻ đi học	627	105.2	Vượt	0	61	98	165	150	153		
		Trẻ học nhóm ghép											
		Trẻ học 2 buổi/ngày	627	100	Vượt	0	61	98	165	150	153		
		Trẻ khuyết tật học hòa nhập	01	0.15	Đạt					01			
2	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ được tổ chức ăn bán trú	627	100	Đạt	0	61	98	165	150	153		
		Trẻ được cung cấp chế độ và khẩu phần ăn đảm bảo theo nhu cầu khuyến nghị	627	100	Đạt		159				468		
		Trẻ được khám sức khỏe định kỳ	627	100		0	61	98	165	150	153		
		Trẻ được cân-đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định	627	100	Đạt	0	61	98	165	150	153		
3	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ	Trẻ có cân nặng bình thường	611	97.4	Đạt	0	61	97	164	148	151	
			Trẻ có chiều cao bình thường	610	97.3	Đạt	0	60	95	161	146	151	
			Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	6	1.0	Đạt	0	0	1	3	4	4	2
			Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	14	2.2	Đạt	0	1	3	4	4	2	
			Trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	3	0.5	Đạt	0	0	0	2	1	0	
			Trẻ thừa cân	18	2.9	Vượt	0	1	0	4	5	8	
			Trẻ béo phì	13	2.1	Vượt	0	0	0	3	4	6	

T T		Nội dung		Kết quả thực tế đạt được trong năm học			Trong đó chia ra					
				Toàn trường			Nhà trẻ					
				Kết quả đạt được	Đạt tỷ lệ %	Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
		Trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần	627	100	Đạt	0	61	98	165	150	153	
		Trẻ đi học chuyên cần	627	100	Đạt	0	61	98	165	150	153	
		Đánh giá chất lượng trẻ	617	98.4	Đạt	0	61	98	161	146	151	
												Trẻ được đánh giá ở mức "Đạt"
		Trẻ được đánh giá ở mức "Cần cố gắng"	10	1.6			0	0	4	4	2	
		Trẻ được đánh giá ở mức "Chưa đạt"	0	0			0	0	0	0	0	
		Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN	153	100	Đạt	x	x	x	x	x	153	
		Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ	01	100	Đạt	x	x	x	x	01	x	
4	Chất lượng giáo dục trẻ											

Thùy Nguyễn, ngày 01 tháng 08 năm 2023
 Thủ trưởng đơn vị
 (Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
 Nguyễn Thị Lý

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2022-2023

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	44	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	18	-
1	Phòng học kiên cố	18	2.6
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	14.463,63	
V	Tổng diện tích sân chơi, sân vườn (m²)	11.869	19
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	990	1.6
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	648	1.1
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	252	0.41
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	882	1.41
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	91	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	200	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	18	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	18	01
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	17	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	29	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	...		
		Số lượng(m ²)	
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho trẻ
			Chung Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		26

(*Theo Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Thùy Nguyên, ngày 01 tháng 08 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Lý

THÔNG BÁO CÔNG KHAI

Thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên, năm học 2023-2024

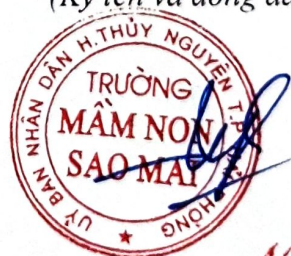
TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	64		2	45	2	11	4	0	44	2		45	1	0	0
I	Giáo viên	43			42	2				39	2		42	1		
1	Nhà trẻ	14			14					14			13	1		
2	Mẫu giáo	29			27	2				27	2		29			
II	Cán bộ quản lý	3		2	1					3			3			
1	Hiệu trưởng	1			1					1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2						2			2			
III	Nhân viên															
1	Nhân viên văn thư	1			1											
2	Nhân viên kế toán	1					1									
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế															
5	Nhân viên nuôi dưỡng	11			1		10									
6	Nhân viên khác	5					1	4								
..	..															

Ghi chú: Đối tượng chưa có tiêu chí đánh giá "Hạng chức danh nghề nghiệp" và "Chuẩn nghề nghiệp" thì để trống.

Văn thư: Hạng I tương ứng với Văn thư viên chính, Hạng II tương ứng với Văn thư viên, Hạng II tương ứng với văn thư viên trung cấp

Thủy Nguyên, ngày 01 tháng 08 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Lý

THÔNG BÁO

Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2023-2024 và 02 năm tiếp theo

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Tháng 8 năm 2023	Chu Thị Hiền Nguyễn Thị Phượng Nguyễn Thị Nga Phạm Thị Thu Nga Đào Thị Kiều Dung Lại Thị Thảo Hà	05	-Các quy trình trong tổ chức giáo dục Steam tại trường mầm non; -Lập kế hoạch ứng dụng GD Steam theo chương trình GDMN; -Xây dựng môi trường GD Steam; -Lập trình cho trẻ mầm non;	Tập trung	Chứng nhận
2	Tháng 8 năm 2023	Vũ Thị Thanh Hải Chu Thị Thanh Đào Thị Kiều Dung Nguyễn Thị Hà Đỗ Thị Thu Nguyễn Thị Ngọc	06	-Xây dựng môi trường, thương hiệu lớp học GD Steam;	Tập trung	
3	Tháng 8 năm 2023	Phạm T Phương Thoa Nguyễn Thị Yến Phạm Thị Hiền Phạm Thị Toán Lã Thị Tình Trần Thị Thủy Đinh Thị Thanh Nguyễn Thị Ngọc Phạm T Tuyết Hạnh Nguyễn Thị Doan Lê Hoàng Anh Bùi Thị Thư Hà Nguyễn Thị Nhung Nguyễn Thị Hoa Nguyễn Thị Thảo Trần Thị Thu Hiền Phạm Thị Mai Hoàng Thị Yến	18	-Đổi mới hình thức tổ chức giờ ăn cho trẻ	Tập trung	

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
3	Tháng 8 năm 2023	Phạm Việt Công Nguyễn Thị Hương Nguyễn Thị Hoa Nguyễn Thị Cúc Ngô Thị Thiên Châu Đàm Thị Thùy Nguyễn Thị Mai Chi Vũ Thị Thắm Phạm Thị Lan Phạm Thị LanB Nguyễn Văn Soái		-Xây dựng khẩu phần ăn cho trẻ; -Đổi mới hình thức chế biến món ăn cho trẻ.	Tập trung	
4	Năm học 2024-2025	Giáo viên	43	-Các quy trình trong tổ chức giáo dục Steam tại trường mầm non; -Lập kế hoạch ứng dụng GD Steam theo chương trình GDMN; -Xây dựng môi trường GD Steam; -Lập trình cho trẻ mầm non;	Tập trung	
5	Năm học 2024-2025	Giáo viên	43	- Thực hiện ứng dụng linh hoạt GD Steam theo chương trình GDMN.	Tập trung	

Thùy Nguyên, ngày 01 tháng 08 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Lý

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN
TRƯỜNG MẦM NON SAO MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 31/KH-MNSM

Thủy Nguyên, ngày 14 tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH
Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 - 2026

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG

1. Kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia

- Nhà trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia năm 2021.
- Mức độ được công nhận: mức độ 2
- Thời gian hết hiệu lực: Tháng 12/2025

2. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

2.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

2.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			Nội dung không đạt	
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1				X	
Tiêu chí 1.2			X		
Tiêu chí 1.3				X	
Tiêu chí 1.4				X	
Tiêu chí 1.5				X	
Tiêu chí 1.6				X	
Tiêu chí 1.7			X		
Tiêu chí 1.8			X		
Tiêu chí 1.9			X		
Tiêu chí 1.10			X		
Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1				X	
Tiêu chí 2.2				X	
Tiêu chí 2.3				X	
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1				X	
Tiêu chí 3.2				X	
Tiêu chí 3.3				X	
Tiêu chí 3.4				X	
Tiêu chí 3.5				X	
Tiêu chí 3.6			X		



Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1				X
Tiêu chí 4.2				X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1				X
Tiêu chí 5.2				X
Tiêu chí 5.3				X
Tiêu chí 5.4				X

2.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Nội dung đã đạt
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chí 1		X	Nhà trường đã xây dựng và định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên hội đồng trường, CBGVNV, cha mẹ trẻ và cộng đồng
Tiêu chí 2		X	Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường
Tiêu chí 3		X	Chi bộ nhà trường và tổ chức công đoàn, chi đoàn trong 2 năm liên tiếp đã hoàn thành xuất sắc và tốt nhiệm vụ, các đoàn thể và tổ chức khác (Ban đại diện CMHS, Hội đồng chuyên gia tư vấn,..) có nhiều đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.
Tiêu chí 4		X	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu trưởng và số lượng phó hiệu trưởng đảm bảo theo quy định - Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định - Hàng năm tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện hiệu quả nhiều hơn 1 chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường. - Hoạt động của Tổ chuyên môn và tổ văn phòng định kỳ được rà soát, đánh giá, điều chỉnh; có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường
Tiêu chí 5		X	Nhà trường có không quá 20 nhóm lớp nhà trẻ,

Tiêu chí	Kết quả		Nội dung đã đạt
	Không đạt	Đạt	
			mẫu giáo
Tiêu chí 6		x	Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: **Mức độ 3**

2.2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Trường đạt **Chuẩn quốc gia Mức độ 2**

3. Đánh giá chung

3.1. Điểm mạnh

Trường mầm non Sao Mai có cơ cấu bộ máy tổ chức đầy đủ đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, số lượng Ban giám hiệu, giáo viên, nhân viên đủ định biên theo số lớp, 100% có phẩm chất chính trị chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước, công tác đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên được tiến hành thường xuyên nghiêm túc, năm 2022-2023 thực hiện tự đánh giá trên phần mềm TEMIS. Nhà trường có đủ các tổ nhóm chuyên môn hoạt động có hiệu quả, công tác dân chủ cơ sở được phát huy có hiệu quả tạo được sự đồng thuận trong tập thể sư phạm. Trong nhiều năm nhà trường đã quản lý tốt các hoạt động chăm sóc, giáo dục, công tác phổ cập cho trẻ em 5 tuổi, công tác quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, hành chính, tài chính, đất đai, cơ sở vật chất và các phong trào thi đua theo quy định.

Là một trường có diện tích rộng, diện tích trên trẻ vượt theo quy định, các phòng học rộng rãi, thoáng mát, có đủ trang thiết bị hiện đại, đồng bộ phục vụ công tác chăm sóc giáo dục trẻ, khuôn viên nhà trường đảm bảo yêu cầu về diện tích, cây xanh, sạch đẹp, thoáng mát và đảm bảo an toàn. Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên và học sinh, chất lượng chăm sóc giáo dục đáp ứng được mục tiêu yêu cầu của ngành đề ra, chất lượng nuôi dưỡng được nâng cao từng ngày, nhiều món ăn sáng tạo, vận dụng bữa ăn gia đình; các hoạt động giáo dục thực hành trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống được tăng cường. Căn cứ vào các điều kiện thực tế, trên cơ sở TĐG chất lượng chăm sóc giáo dục của nhà trường với những điểm mạnh, điểm yếu. Báo cáo này sẽ được sử dụng như một văn bản ghi nhớ, là công cụ để cải tiến và nâng cao quản lý chất lượng CSGD của nhà trường. Hội đồng TĐG mong muốn sau quá trình tự đánh giá, nhà trường sẽ tiếp tục có những biện pháp, giải pháp hữu hiệu hơn để cải tiến và nâng cao chất lượng CSGD của nhà trường góp phần đưa nhà trường đáp ứng yêu cầu của trường học tiên tiến và giúp GDMN Huyện Thủy Nguyên tiến xa hơn nữa trên con đường phát triển và hội nhập.

3.2. Hạn chế

Trang thiết bị và môi trường giáo dục nhà trường chưa đáp ứng được mục tiêu của việc thực hiện xây dựng trường mầm non trọng điểm, chất lượng cao.

HỮ
 Ứ
 M.
 0A
 *

3.3. Nguyên nhân của hạn chế

Nhà trường cần thời gian để từng bước thực hiện quy trình công tác Xã hội hóa, hoàn thiện bổ sung các hạng mục cơ sở vật chất cũng như tổ chức các hoạt động năng khiếu phù hợp và đảm bảo quy định của các cấp.

III. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

1. Mục tiêu

Mục tiêu đến năm 2026 đạt kiểm định cấp độ 4 - Đạt chuẩn mức độ 2

2. Kế hoạch:

2.1. Năm học: 2022-2023

Nhà trường đã vận dụng hiệu quả mô hình phương pháp giáo dục tiên tiến Steam vào thực hiện chương trình giáo dục nhà trường

2.2. Năm học 2023-2024

Năm học 2023 - 2024 nhà trường thực hiện kế hoạch xây dựng trường học công viên - Hạnh phúc

2.3. Năm học 2024-2025

Phấn đấu đến năm 2025 trở thành trường học “tiên tiến” và thực hiện lộ trình trường học tự chủ một phần kinh phí.

2.4. Năm học 2024-2025

Phấn đấu xây dựng trường trọng điểm chất lượng cao, tự chủ một phần kinh phí

2.5. Năm học 2025-2026

Phấn đấu đạt trường chuẩn mức độ 2, kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 4

IV. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về công tác chỉ đạo, tuyên truyền

Nhà trường chỉ đạo hội đồng tự đánh giá, hàng năm tiếp tục rà soát bổ sung báo cáo, đánh giá cụ thể điểm mạnh điểm yếu, những giải pháp đã được khắc phục, bổ sung minh chứng cần thiết cho các tiêu chí

Tuyên truyền tới toàn thể CBGVNV, cha mẹ và cộng đồng về ích lợi của công tác Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với nhà trường, lợi ích cho các bé được thụ hưởng môi trường giáo dục tiên nghi đầy đủ hiện đại nhất, kêu gọi sự chung tay ủng hộ đồng hành hỗ trợ cùng nhà trường trong các công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

2. Giải pháp cụ thể triển khai thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn

Tiêu chí	Người thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)	Thời gian thực hiện	Giải pháp
Tiêu chí 1.1	Bùi Thị Tố Uyên Đỗ Thị Thu	3.000.000	Tháng 7 và 8	Bám sát kế hoạch và đề án phát triển GDMN của huyện, rà soát điều chỉnh bổ sung đề án phát triển nhà trường

Tiêu chí	Người thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)	Thời gian thực hiện	Giải pháp
Tiêu chí 1.2	Đỗ Thị Thu	3.000.000	Tháng 7 và 8	Rà soát đối chiếu đánh giá kết quả đạt được, điểm mạnh, điểm yếu và chỉ ra nguyên nhân, dự kiến kế hoạch cải tiến
Tiêu chí 1.3	Đỗ Thị Thu		Tháng 12	Đánh giá chất lượng hoạt động của Chi bộ trường, số lượng đảng viên được kết nạp, chất lượng hoạt động và thực hiện nhiệm vụ của Đảng viên
Tiêu chí 1.4	Chu Thị Thanh		Tháng 5	Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của HT, PHT, tổ CM, tổ VP
Tiêu chí 1.5	Chu Thị Thanh	3.000.000	Tháng 8	Đầu năm rà soát đánh giá số nhóm lớp, phân chia số trẻ/lớp, chỉ rõ ưu điểm tồn tại cách khắc phục
Tiêu chí 1.6	Chu Thị Thanh	5.000.000	Tháng 9 và tháng 5	Đầu năm rà soát đối chiếu số lượng, đánh giá hiệu quả sử dụng, đề xuất thanh lý, mua bổ sung, bàn giao cho GV mới..cuối năm kiểm kê, bàn giao về nhà trường
Tiêu chí 1.7	Nguyễn Thị Hoa	3.000.000	Tháng 5	Khuyến khích giáo viên tự học nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn
Tiêu chí 1.8	Nguyễn Thị Hoa	150.000.000 đến 250.000.000	Tháng 8, 9, 5	Đầu năm xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, tổ chức thực hiện trong năm học, cuối năm đánh giá kết quả thực hiện
Tiêu chí 1.9	Ng. Thị Phượng	3.000.000	Tháng 9, 10	Tổ chức hội nghị Cán bộ viên chức đầu năm học theo lịch của huyện giao. Cuối năm báo cáo kết quả thực hiện
Tiêu chí 1.10	Ng. Thị Phượng	2.000.000	Tháng 9	Xây dựng kế hoạch kết phối hợp cùng Công an địa phương đảm bảo an ninh an toàn trường học, thiết lập đầy đủ các hồ sơ đảm bảo an toàn VSTP, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống bạo

Tiêu chí	Người thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)	Thời gian thực hiện	Giải pháp
				lực học đường
Tiêu chí 2.1	Bùi Minh Thúy	15.000.000 đến 30.000.000	Tháng 5	Thực hiện đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, PHT
Tiêu chí 2.2	Bùi Minh Thúy	20.000.000	Tháng 5	Thực hiện đánh giá chuẩn giáo viên
Tiêu chí 2.3	Nguyễn Thị Nga	15.000.000	Tháng 9, 5	Đánh giá các điều kiện đáp ứng yêu cầu của công việc
Tiêu chí 3.1	Đào Thị Tuyết Đỗ T. Hồng Huyền	100.000.000 đến 200.000.000	Tháng 9, 10	Rà soát môi trường khuôn viên sân vườn, xây dựng kế hoạch quy hoạch không gian, bổ sung trang thiết bị đồ chơi cần thiết đảm bảo yếu tố bền, chắc, đẹp
Tiêu chí 3.2	Đỗ T. Hồng Huyền	50.000.000 đến 150.000.000	Tháng 10	Rà soát đánh giá các điều kiện từ đầu năm học, đề xuất các yếu tố cần sửa chữa, mua mới bổ sung
Tiêu chí 3.3	Nguyễn Thị Yên	20.000.000 đến 30.000.000	Tháng 10	Rà soát đánh giá các điều kiện từ đầu năm học, đề xuất các yếu tố cần sửa chữa, mua mới bổ sung
Tiêu chí 3.4	Nguyễn Thị Yên	15.000.000 đến 20.000.000	Tháng 10	Rà soát đánh giá các điều kiện từ đầu năm học, đề xuất các yếu tố cần sửa chữa, mua mới bổ sung
Tiêu chí 3.5	Phạm T Tuyết Hạnh	200.000.000	Tháng 10	Rà soát đánh giá các điều kiện từ đầu năm học, đề xuất các yếu tố cần sửa chữa, mua mới, bổ sung
Tiêu chí 3.6	Phạm T Tuyết Hạnh	50.000.000	Tháng 10	Rà soát đánh giá các điều kiện từ đầu năm học, đề xuất các yếu tố cần sửa chữa, nâng cấp
Tiêu chí 4.1	Nguyễn Thị Tâm Lê Đức Thành	50.000.000 đến 80.000.000	Tháng 8, 9	Thành lập BDD CMHS, xây dựng kế hoạch và quy chế hoạt động.
Tiêu chí 4.2	Nguyễn Thị Hà Phạm Thị Hằng	5.000.000 đến 20.000.000	Tháng 10	Đánh giá và đề xuất tham mưu lãnh đạo các cấp và chính quyền địa phương ủng hộ và hỗ trợ các chủ trương hoạt động của nhà trường
Tiêu chí	Nguyễn Thị Luyn	150.000.000	Tháng	Xây dựng chương trình giáo

Tiêu chí	Người thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)	Thời gian thực hiện	Giải pháp
5.1		đến 250.000.000	8, 5	dục nhà trường các khối tuổi, các nhóm lớp, tổ chức thực hiện, hàng tháng đánh giá rà soát điều chỉnh, cuối năm đánh giá kết quả thực hiện
Tiêu chí 5.2	Nguyễn Thị Ngọc	100.000.000 đến 150.000.000	Tháng 9, 5	Xây dựng kế hoạch chăm sóc nuôi dưỡng trẻ, tổ chức thực hiện, hàng tháng đánh giá rà soát điều chỉnh, cuối năm đánh giá kết quả thực hiện
Tiêu chí 5.3	Vũ Thị Thanh Hải	20.000.000 đến 30.000.000	Tháng 9, 12, 5	Đánh giá kết quả các đợt cân đo, khám sức khỏe định kỳ đầu năm học
Tiêu chí 5.4	Đào Thị Kiều Dung	5.000.000-10.000.000	Tháng 9-5	Đánh giá quá trình học tập của trẻ, đánh giá sự phát triển của trẻ theo các lĩnh vực

3. Giải pháp về chính sách (nguồn kinh phí)

- Nhà trường mạnh dạn đề xuất như cầu, xin ý kiến chỉ đạo và xin nguồn ngân sách cấp.

- Xây dựng kế hoạch, chủ chương, thiết lập hồ sơ xã hội hóa giáo dục đệ trình lên lãnh đạo các cấp tham vấn và thực hiện hiệu quả. Huy động tối đa các nguồn lực từ cha mẹ học sinh, các tổ chức, các nhân, cộng đồng hảo tâm chung tay vì sự nghiệp giáo dục của nhà trường.

4. Giải pháp kiểm tra, giám sát

- Nhà trường thành lập ban kiểm tra nội bộ, ban chất lượng tư vấn, giám sát, kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm kịp thời, điều chỉnh các hoạt động chưa đúng với định hướng chỉ đạo, nâng cao hiệu quả chất lượng công tác pháp chế và kiểm tra nội bộ trường học.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các tổ chức đoàn thể, tổ nhóm chuyên môn, cá nhân theo năng lực và nhiệm vụ được giao. Đôn đốc thực hiện, rà soát, kiểm tra đánh giá, tư vấn, định hướng đảm bảo đủ các điều kiện của trường chuẩn mức độ 2, kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 4.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Ủy ban nhân dân quận/huyện

- Quan tâm hỗ trợ đầu tư nguồn kinh phí, sửa chữa CSVCS xuống cấp
- Định hướng các kế hoạch, chủ trương giúp nhà trường thực hiện hiệu quả lộ trình xây dựng trường học tiên tiến vào năm học 2024-2025

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Quan tâm chỉ đạo và sát sao tư vấn các hoạt động chuyên môn của nhà trường, giúp nhà trường nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục, trở thành trường trọng điểm chất lượng cao của GDMN Thủy Nguyên và GDMN Hải Phòng

3. Các Sở ban, ngành liên quan

- Ủng hộ hỗ trợ nhà trường, tuyên truyền các hoạt động và nâng cao chất lượng hiệu quả các phong trào thi đua

4. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Quan tâm chỉ đạo và sát sao tư vấn các hoạt động chuyên môn của nhà trường, giúp nhà trường nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục và các hoạt động quản lý chỉ đạo.

5. Ủy ban nhân dân xã/ phường

- Ủng hộ các chủ trương kế hoạch hoạt động của nhà trường, tham vấn tuyên truyền với cộng đồng, nhân dân địa phương cho con ra lớp đúng độ tuổi. Phối kết hợp hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục, ủng hộ hỗ trợ các hoạt động văn hóa văn nghệ thể thao của địa phương.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT
- UBND quận/huyện;
- Phòng GDĐT quận/huyện;
- Website trường;
- Lưu VT.

